

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Viết tiếng Anh 1.
- Tên học phần (Tiếng Anh): Writing 1.
- Mã học phần: 1010242
- Số tín chỉ: 2.
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học, ngành Tài chính – Ngân hàng.
- Các học phần tiên quyết (Những học phần phải học trước học phần này nếu có):
- Các học phần kế tiếp (Những học phần ngay sau học phần này nếu có):
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
  - Làm bài tập trên lớp : 15 tiết
  - Tự học : 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế- Tài chính

### 2. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Trang bị phân kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh và phát triển khả năng đọc các tài liệu tiếng Anh với các kiến thức về kinh doanh ở cấp độ cơ bản, khả năng viết các dạng thư tín thương mại, soạn tin nhắn, kế hoạch kinh doanh... Qua khóa học này, sinh viên sẽ trở nên tự tin và lưu loát khi dùng ngôn ngữ kinh doanh và sẽ có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp của mình.
- Kỹ năng: Trang bị và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp viết và thu thập thông tin một cách hiệu quả thông qua các bài viết, văn bản liên quan đến kiến thức kinh doanh
- Thái độ, chuyên cần: Xây dựng cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần và thói quen tìm hiểu, nghiên cứu để mở mang kiến thức.

### 3. Chuẩn đầu ra

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
<b>Kiến thức</b>	3.1.1. Có thể viết được các loại thư tín thương mại (letter và email), các văn bản thương mại (action minute, profile) ở cấp độ sơ cấp. 3.1.2. Sử dụng đúng ngôn từ và văn phong trong các bài viết trang trọng (formal letter hoặc email) và không trang trọng (informal letter hoặc email) 3.1.3. Biết phân tích các bài viết mẫu, các bài đọc liên quan đến lĩnh vực kinh tế - tài chính.	
<b>Kỹ năng</b>	3.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp: sử dụng chính xác và phối hợp thành thạo các kỹ năng trong giao tiếp kinh thương như kỹ năng nói trước công chúng, kỹ năng tổ chức họp – hội nghị, kỹ thuật thương lượng, đàm phán trong kinh doanh 3.2.2. Kỹ năng cá nhân: giúp con người tư duy, sống và làm việc một cách khác khoa học, trong mối quan hệ tương tác với con người, tập thể, tổ chức, cộng đồng, xã hội phục vụ cho cuộc sống và công việc như: kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin liên quan cuộc đời; kỹ năng giải quyết tình huống trong cuộc sống; kỹ năng sáng tạo trong công việc; kỹ năng học tập suốt đời....	

<b>Thái độ</b>	<p>3.3.1 .Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước. Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội; có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, làm việc và học tập.</p> <p>3.3.2. Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.</p> <p>3.3.3 Tự tin và chủ động trong công việc, biết chấp nhận khó khăn, sống và làm việc một cách khoa học, trung thực, thân thiện với mọi người.</p>	
----------------	---	--

#### 4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- **MARKET LEADER – Elementary – 3<sup>rd</sup> edition**: là một giáo trình chuyên về lĩnh vực kinh tế ở cấp độ căn bản dành cho doanh nhân và sinh viên chuyên ngành kinh doanh – kinh tế. Nội dung của quyển giáo trình này gồm 12 bài bao gồm những chủ đề liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế được trích từ các bài báo trong Financial Times – một trong những quyển tạp chí về Kinh tế - Tài chính có uy tín cao trên thế giới.
- Quyển Market Leader – Elementary tái bản lần thứ 3 được cập nhật nội dung phản ánh những xu hướng mới nhất trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Giáo trình này sẽ giúp sinh viên cải thiện khả năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống phát sinh trong kinh doanh, mở rộng kiến thức kinh doanh qua các từ vựng, bài đọc, nghe, ngữ pháp và bài viết chuyên ngành.

#### 5. Nội dung và lịch trình giảng dạy

Buổi /Tiết	Nội dung	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Giáo trình chính	Tài liệu tham khảo	Ghi chú
1 (2 tiết)	<p><b>- Guidelines for learning writing skill and writing scoring frame</b></p> <p><b>- Bài 1: Introductions</b></p> <p>1.1. Language focus 1: to be</p> <p>1.2. Lanaguage focus 2: a/an with jobs, wh-questions</p> <p>1.3. Case study: a job fair in Singapore</p>	<p>2 hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Hướng dẫn làm bài tập</li> </ul>	<p>3 hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chú</li> <li>- Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm</li> <li>- Trình bày nội dung thảo luận trước lớp</li> </ul>	Trang 10-11 và 13 cuốn (1)	Trang 11-12 cuốn (2)	K1, K2, K3
2 (2 tiết)	<p><b>Bài 2: Work and leisure</b></p> <p>2.1. Language focus 1: present simple</p> <p>2.2. Language focus 2: adverbs and expressions of frequency</p> <p>2.3. Case study: Hudson Design Inc.</p>	<p>2 hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Hướng dẫn làm bài tập</li> </ul>	<p>3 hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chú</li> <li>- Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm</li> <li>- Trình bày nội dung thảo luận trước lớp</li> </ul>	Trang 17, 19 và 21 cuốn (1)	Trang 20 cuốn 2	K1, K2, K3
3 (2 tiết)	<p><b>Bài 3: Problems</b></p> <p>3.1. Language focus 1: Present simple: negatives and questions</p> <p>3.2. Language focus 2: have, some and any</p>	<p>2 hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Hướng dẫn làm bài tập</li> </ul>	<p>3 hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chú</li> <li>- Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm</li> </ul>	Trang 25-26 và 28-29 cuốn (1)	Trang 27-28 cuốn (2)	K1, K2, K3

	3.3. Case study: High-Style Business Rentals		- Trình bày nội dung thảo luận trước lớp			
4 (2 tiết)	<b>- Bài 4: Travel</b> 4.1. Language focus 1: can / can't 4.2. Language focus 2: there is / there are 4.3. Case study: The Gustav Conference Centre <b>- On-going writing test 1</b>	3 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn sinh viên cách làm bài kiểm tra thường xuyên	4 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp - Làm bài kiểm tra thường xuyên 1	Trang 38-39, 41 và 43 cuốn (1)	Trang 46 cuốn (2)	K1, K2, K3
5 (2 tiết)	<b>Bài 5: Food and entertaining</b> 5.1. Language focus 1: some / any 5.2. Language focus 2: countable and uncountable nouns 5.3. Case study: Which restaurant?	2 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập	3 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp	Trang 47-48 và 50-51 cuốn (1)	Trang 53 cuốn (2)	K1, K2, K3
6 (2 tiết)	<b>- Bài 6: Buying and selling</b> 6.1. Language focus 1: Past simple 6.2. Language focus 2: past time references 6.3. Case study: NP Innovations	2 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập	3 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp	Trang 55 và 57-59 cuốn (1)	Trang 60-62 cuốn (2)	K1, K2, K3
7 (2 tiết)	<b>Bài 7: People</b> 7.1. Language focus 1: Past simple: negative and questions 7.2. Language focus 2: Question forms 7.3. Case study: tell us about it <b>- On-going writing test 2</b>	3 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn sinh viên làm bài kiểm tra	4 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp - Làm bài kiểm tra thường xuyên 2	Trang 68, 70-71 và 73 cuốn (1)	Trang 70 cuốn (2)	K1, K2, K3
8 (2 tiết)	<b>Bài 8: Advertising</b> 8.1. Language focus 1: Comparatives and superlatives 8.2. Language focus 2: much / a lot, a little / a bit 8.3. Case study:	2 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập	3 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội	Trang 77-79 và 81 cuốn (1)	Trang 96-98 cuốn (2)	K1, K2, K3

	Excelsior Chocolate Products		dung thảo luận trước lớp			
9 (2 tiết)	<b>- Bài 9: Companies</b> 9.1. Language focus 1: Present continuous 9.2. Language focus 2: Present simple or present continuous 9.3. Case study: Presenting your company	2 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập	4 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp - Làm bài kiểm tra thường xuyên 3	Trang 84-87 và 89 cuốn (1)	Trang 89 và 123 cuốn (2)	K1, K2, K3
10 (2 tiết)	<b>- Review</b> 1. Unit A (bài 1-3) 2. Unit B (bài 4-6) 3. Unit C (bài 7-9) <b>- How to write a letter</b> <b>- On-going writing test 3</b>	3 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn ôn tập - Hướng dẫn làm bài kiểm tra thường xuyên	3 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Làm bài kiểm tra thường xuyên	Trang 32-35, 62-65, 92-95 cuốn (2)	Trang 13-46 cuốn (3)	
11 (2 tiết)	<b>Bài 10: Communication</b> 10.1. Language focus 1: Talking about future plans 10.2. Language focus 2: will 10.3. Case study: Blakelock Engineering <b>- Midterm test (Writing skill)</b>	3 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn kỹ năng làm bài kiểm tra giữa kỳ	4 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp - Làm bài kiểm tra giữa kỳ	Trang 98-99 và 101-103 cuốn (1)	Trang 129-132 cuốn (2)	K1, K2, K3
12 (2 tiết)	<b>- Bài 11: Cultures</b> 11.1. Language focus 1: should / shouldn't 11.2. Language focus 2: could / would 11.3. Case study: The wind of change	2 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập	3 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp	Trang 107, 109 và 111 cuốn (1)	Trang 113-116 cuốn (2)	K1, K2, K3
13 (2 tiết)	<b>Bài 12: Jobs</b> 12.1. Language focus 1: present perfect 12.2. Language focus 2: past simple and present perfect 12.3. Case study: Nelson & Harper Inc. <b>- On-going writing test 4</b>	3 hoạt động: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập - Hướng dẫn làm bài kiểm tra thường xuyên	4 hoạt động: - Nghe giảng, ghi chú - Làm bài tập cá nhân hoặc theo nhóm - Trình bày nội dung thảo luận trước lớp - Làm bài kiểm tra thường	Trang 114, 117 và 119 cuốn (1)	Trang 103-106 cuốn (2) Trang 13-46 cuốn (3)	K1, K2, K3

			xuyên			
14 (2 tiết)	- Review unit D (bài 10-12) - Results of on-going test 1, 2, 3, 4 and midterm test - Error corrections	2 hoạt động: - Phát bài kiểm tra - Sửa lỗi các bài kiểm tra của sinh viên	2 hoạt động: - Xem lại các bài kiểm tra - Ghi chú các lỗi sai và sửa lại	Trang 122-125 cuốn (1)		K1, K2, K3
15 (2 tiết)	- Consolidation, questions-responses - Guidelines for taking the final exam - End-of-term results	3 hoạt động: - Củng cố nội dung trọng tâm từ bài 1-12, giải đáp thắc mắc của sinh viên - Hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học và ôn thi cuối kỳ - Công bố điểm quá trình	3 hoạt động: - Ôn lại nội dung trọng tâm từ bài 1-12 - Trình bày ý kiến, thắc mắc - Kiểm tra điểm quá trình và ký tên xác nhận điểm			K1, K2, K3

## 6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên vắng quá 4 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều không được tính điểm chuyên cần. Nếu vắng quá 7 buổi sẽ không được làm bài kiểm tra giữa kỳ.
- Đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ bị điểm danh vắng nửa buổi học.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác. Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện, xem kỹ bài trước khi đến lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 7.1. Cách đánh giá

**7.1.1 Kiểm tra – đánh giá quá trình:** Có trọng số 40% bao gồm các điểm đánh giá bộ phận

TT	Điểm thành phần	Quy định	Thang điểm	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	1	A1, A2, A3
2	Điểm kiểm tra thường xuyên	- 4 bài kiểm tra tự luận 45 phút	4	K1, K2, K3 S1, S2, S3
3	Điểm cộng	- Tích cực tham gia hoạt động trên lớp, đi học thường xuyên và làm bài kiểm tra đầy đủ. - Làm bài tập về nhà đầy đủ	1	A1, A2, A3
4	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết tự luận (60 phút)	4	K1, K2, K3 S1, S2, S3

**10.1.2 Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:** Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%

TT	Điểm thành phần	Quy định	Thang điểm	Mục tiêu
----	-----------------	----------	------------	----------

1	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết tự luận và trắc nghiệm. - Thời lượng thi: 60 phút - Sinh viên không được tham khảo tài liệu khi thi - Bắt buộc dự thi	10	K1, K2, K3 S1, S2, S3
---	----------------------------	---	----	--------------------------

### 7.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 8. Tài liệu học tập

Giáo trình chính	[1] Market Leader – Elementary – 3 <sup>rd</sup> edition, David Cotton, David Falvey & Simon Kent, Pearson, 2012, Slovakia.
Tài liệu tham khảo thêm	[2] Intelligent Business – Elementary, Irene Barral & Nicholas Barral, Pearson, [3] How to pass English for Business First level – 3, Allan Sharples, LCCI CET, 2001, Sydney
Các loại tài liệu khác	Từ điển chuyên ngành kinh thương, các trang web thương mại điện tử

### 9. Hướng dẫn sinh viên tự học

Tuần/ Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1 (2 tiết)	- <b>Guidelines for learning writing skill and writing scoring frame</b> - <b>Bài 1: Introductions</b> 1.1. Language focus 1: to be 1.2. Lanaguage focus 2: a/an with jobs, wh-questions 1.3. Case study: a job fair in Singapore	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1.1 đến 1.3, Bài 1 + Tài liệu [2]: nội dung trang 11-12
2 (2 tiết)	<b>Bài 2: Work and leisure</b> 2.1. Language focus 1: present simple 2.2. Language focus 2: adverbs and expressions of frequency 2.3. Case study: Hudson Design Inc.	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 2.1. đến 2.3., Bài 2 + Ôn lại nội dung bài 1 đã học + Tài liệu [2]: nội dung trang 20
3 (2 tiết)	<b>Bài 3: Problems</b> 3.1. Language focus 1: Present simple: negatives and questions 3.2. Language focus 2: have, some and any 3.3. Case study: High-Style Business Rentals	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 3.1. đến 3.3., Bài 3 + Ôn lại nội dung bài 2 đã học + Tài liệu [2]: trang 25-28
4 (2 tiết)	- <b>Bài 4: Travel</b> 4.1. Language focus 1: can / can't 4.2. Language focus 2: there is / there are	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 4.1. đến 4.3., Bài 4 + Ôn lại nội dung bài 1, 2 và 3 để chuẩn bị kiểm tra thường xuyên 1

	4.3. Case study: The Gustav Conference Centre <b>- On-going writing test 1</b>			+ Tài liệu [2]: trang 46
5 (2 tiết)	<b>Bài 5: Food and entertaining</b> 5.1. Language focus 1: some / any 5.2. Language focus 2: countable and uncountable nouns 5.3. Case study: Which restaurant?	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 5.1. đến 5.3., Bài 5 + Ôn lại nội dung bài 4 đã học + Tài liệu [2]: trang 53
6 (2 tiết)	<b>- Bài 6: Buying and selling</b> 6.1. Language focus 1: Past simple 6.2. Language focus 2: past time references 6.3. Case study: NP Innovations	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 6.1. đến 6.3., Bài 6 + Ôn lại nội dung bài 5 đã học + Tài liệu [2]: trang 60-62
7 (2 tiết)	<b>Bài 7: People</b> 7.1. Language focus 1: Past simple: negative and questions 7.2. Language focus 2: Question forms 7.3. Case study: tell us about it <b>- On-going writing test 2</b>	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 7.1. đến 7.3., Bài 7 + Ôn lại nội dung bài 1-6 để chuẩn bị kiểm tra thường xuyên 2 + Tài liệu [2]: trang 70
8 (2 tiết)	<b>Bài 8: Advertising</b> 8.1. Language focus 1: Comparatives and superlatives 8.2. Language focus 2: much / a lot, a little / a bit 8.3. Case study: Excelsior Chocolate Products	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 8.1. đến 8.3., Bài 8 + Ôn lại nội dung bài 7 đã học + Tài liệu [2]: trang 96-98
9 (2 tiết)	<b>- Bài 9: Companies</b> 9.1. Language focus 1: Present continuous 9.2. Language focus 2: Present simple or present continuous 9.3. Case study: Presenting your company	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 9.1. đến 9.3., Bài 9 + Ôn lại nội dung bài 8 đã học + Tài liệu [2]: trang 89-123
10 (2 tiết)	<b>- Review</b> 1. Unit A (bài 1-3) 2. Unit B (bài 4-6) 3. Unit C (bài 7-9) <b>- How to write a letter</b> <b>- On-going writing test 3</b>	1	1	- Nghiên cứu trước: + Ôn lại nội dung bài 1-9 để chuẩn bị kiểm tra thường xuyên 3 + Tài liệu [3]: trang 12-46
11 (2 tiết)	<b>Bài 10: Communication</b> 10.1. Language focus 1: Talking about future plans	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 10.1. đến 10.3., Bài 10

	10.2. Language focus 2: will 10.3. Case study: Blakelock Engineering <b>- Midterm test (Writing skill)</b>			+ Ôn lại nội dung bài 9 đã học + Ôn lại nội dung bài 1-9 để chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ + Tài liệu (2): trang 129-132
12 (2 tiết)	<b>- Bài 11: Cultures</b> 11.1. Language focus 1: should / shouldn't 11.2. Language focus 2: could / would 11.3. Case study: The wind of change	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 11.1. đến 11.3., Bài 11 + Ôn lại nội dung bài 10 đã học + Tài liệu [2]: trang 113-116
13 (2 tiết)	<b>Bài 12: Jobs</b> 12.1. Language focus 1: present perfect 12.2. Language focus 2: past simple and present perfect 12.3. Case study: Nelson & Harper Inc. <b>- On-going writing test 4</b>	1	1	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 12.1. đến 12.4., Bài 12 + Ôn lại nội dung bài 1-11 để chuẩn bị kiểm tra thường xuyên 4 + Tài liệu [2]: trang 103-106 + Tài liệu [3]: trang 13-46
14 (2 tiết)	<b>- Review unit D (bài 10-12)</b> <b>- Results of on-going test 1, 2, 3, 4 and midterm test</b> <b>- Error corrections</b>	1	1	- Nghiên cứu trước: + Ôn lại nội dung từ bài 10-12 đã học
15 (2 tiết)	<b>- Consolidation, questions-responses</b> <b>- Guidelines for taking the final exam</b> <b>- End-of-term results</b>	1	1	- Nghiên cứu trước: + Ôn lại nội dung từ bài 1-12 đã học

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn



## KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

- Tên học phần (Tiếng Việt): Viết tiếng Anh 1.
- Thông tin về giảng viên
  - Họ và tên: Trần Ngọc Hà
  - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
  - Địa chỉ liên hệ: 527 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp
  - Điện thoại: 0983.560.848
  - Email: hatran2409@hufliit.edu.vn
  - Hình thức liên lạc với giảng viên: email và điện thoại

Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Tổng
		Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực tập	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1 (2 tiết)	<b>- Guidelines for learning writing skill and writing scoring frame</b> <b>- Bài 1: Introductions</b> 1.1. Language focus 1: to be 1.2. Lanaguage focus 2: a/an with jobs, wh-questions 1.3. Case study: a job fair in Singapore	1	0	1		60 giờ	2
2 (2 tiết)	<b>Bài 2: Work and leisure</b> 2.1. Language focus 1: present simple 2.2. Language focus 2: adverbs and expressions of frequency 2.3. Case study: Hudson Design Inc.	1	0	1		60 giờ	2
3 (2 tiết)	<b>Bài 3: Problems</b> 3.1. Language focus 1: Present simple: negatives and questions 3.2. Language focus 2: have, some and any 3.3. Case study: High-Style Business Rentals	1	0	1		60 giờ	2
4 (2 tiết)	<b>- Bài 4: Travel</b> 4.1. Language focus 1: can / can't 4.2. Language focus 2: there is / there are 4.3. Case study: The Gustav Conference Centre <b>- On-going writing test 1</b>	1	1	0		60 giờ	2
5 (2 tiết)	<b>Bài 5: Food and entertaining</b> 5.1. Language focus 1: some / any 5.2. Language focus 2: countable and uncountable nouns	1	0	1		60 giờ	2

	5.3. Case study: Which restaurant?						
6 (2 tiết)	<b>- Bài 6: Buying and selling</b> 6.1. Language focus 1: Past simple 6.2. Language focus 2: past time references 6.3. Case study: NP Innovations	1	0	1		60 giờ	2
7 (2 tiết)	<b>Bài 7: People</b> 7.1. Language focus 1: Past simple: negative and questions 7.2. Language focus 2: Question forms 7.3. Case study: tell us about it <b>- On-going writing test 2</b>	1	1	0		60 giờ	2
8 (2 tiết)	<b>Bài 8: Advertising</b> 8.1. Language focus 1: Comparatives and superlatives 8.2. Language focus 2: much / a lot, a little / a bit 8.3. Case study: Excelsior Chocolate Products	1	0	1		60 giờ	2
9 (2 tiết)	<b>- Bài 9: Companies</b> 9.1. Language focus 1: Present continuous 9.2. Language focus 2: Present simple or present continuous 9.3. Case study: Presenting your company	1	0	1		60 giờ	2
10 (2 tiết)	<b>- Review</b> 1. Unit A (bài 1-3) 2. Unit B (bài 4-6) 3. Unit C (bài 7-9) <b>- How to write a letter</b> <b>- On-going writing test 3</b>	1	1	0		60 giờ	2
11 (2 tiết)	<b>Bài 10: Communication</b> 10.1. Language focus 1: Talking about future plans 10.2. Language focus 2: will 10.3. Case study: Blakelock Engineering <b>- Midterm test (Writing skill)</b>	1	1	0		60 giờ	2
12 (2 tiết)	<b>- Bài 11: Cultures</b> 11.1. Language focus 1: should / shouldn't 11.2. Language focus 2: could / would 11.3. Case study: The wind of change	1	0	1		60 giờ	2
13 (2 tiết)	<b>Bài 12: Jobs</b> 12.1. Language focus 1: present perfect 12.2. Language focus 2: past	1	1	0		60 giờ	2

	simple and present perfect 12.3. Case study: Nelson & Harper Inc. <b>- On-going writing test 4</b>						
14 (2 tiết)	<b>- Review unit D (bài 10-12)</b> <b>- Results of on-going test 1, 2, 3, 4 and midterm test</b> <b>- Error corrections</b>	0	1	1		60 giờ	2
15 (2 tiết)	<b>- Consolidation, questions-responses</b> <b>- Guidelines for taking the final exam</b> <b>- End-of-term results</b>	0	1	1		60 giờ	2

### Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng dạy đúng số tiết và đúng bài theo quy định của bộ môn.</li> <li>- Soạn giáo án đầy đủ trước khi lên lớp.</li> <li>- Thực hiện nghiêm túc phong sư phạm.</li> </ul>
Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học tập chăm chỉ, nghiêm túc.</li> <li>- Chuẩn bị tốt các bài tập về nhà và xem bài trước khi đến lớp.</li> </ul>
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.</li> <li>- Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều không được tính điểm chuyên cần. Nếu vắng quá 5 buổi sẽ không được tính điểm bài kiểm tra giữa kỳ.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ bị điểm danh vắng nửa buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>
Quy định về học vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên không được phép chuyển đổi giờ học.</li> <li>- Sinh viên trả nợ môn vẫn tính điểm quá trình. Trường hợp sinh viên không có tên trong danh sách lớp phải có giấy vào lớp của Phòng Đào tạo.</li> <li>- Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM.</li> </ul>

Ngày...tháng ... năm 201...

**Trưởng khoa**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày...tháng ... năm 201...

**Tổ trưởng Bộ môn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày...tháng .... năm 201...

**Người biên soạn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ThS. Trần Ngọc Hà**

Ngày... tháng... Năm 201  
**Ban giám hiệu**